

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/ HNGĐ –ST
Ngày : 26/4/2023
Về việc: “*Ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Minh Quang
Ông Đặng Hoàng Mích
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lanh-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 570/2022/TLST –HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 24/3/2023.

*** Bị đơn:** Anh Nh, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11/11/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Th trình bày như sau:**

Chị và anh Nh cưới nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình sinh sống có hạnh phúc đến khoản 01 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hợp. Vì vậy chị và anh Nh không còn sống chung khoản 01 năm nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Nh, chị không thể hàn gắn tình cảm với anh Nh. Chị yêu cầu ly hôn với anh Nh.

- Về con chung: Chị và anh Nh có 02 con chung là T, sinh ngày 17/8/2018 và H, sinh ngày 21/02/2021. Hiện nay, cháu Tiên và cháu Thiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và cháu H. Chị không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nh vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng hạn theo qui định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Nh. Về Con chung: Chị Th tiếp tục nuôi 02 con chung là T, sinh ngày: 17/8/2018 và H, sinh ngày 21/02/2021. Anh Nh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị Th và anh Nh cưới nhau vào năm 2017, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang năm 2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, chị Th và anh Nh đã ly thân được khoảng 01 năm nay. Mặt khác, anh Nh đã được Tòa án triệu tập đến lần 2 để xét xử nhưng anh Nh vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh Nh không còn muốn hàn gắn cuộc sống hôn nhân với chị Th. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nh và chị Th là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Th yêu cầu được ly

hôn với anh Nh là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là T, sinh ngày 17/8/2018 và H, sinh ngày 21/02/2021. Nhận thấy, cháu Tiên và cháu Thiện được chị Th nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh nên tiếp tục giao cháu H và cháu H cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[5] *Về nợ chung*: Chị Th khai không có, nên không xét đến.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Th phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh Nh. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 30/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Th được trực tiếp nuôi con chung là T, sinh ngày 17/8/2018 và H, sinh ngày 21/02/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010309 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng